



PHATDAT
CORPORATION
Real Estate Development

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BĐS PHÁT ĐẠT

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Và

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2025

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 38

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004 và theo các GCNĐKKD/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã PDR theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do SGDCKHCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 39 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Danh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Thành viên
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập
Ông Dương Hảo Tôn	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Hảo Tôn	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Anh Vũ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Khắc Sinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2025
Bà Đặng Việt Tú Uyên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2025
Ông Phan Lê Hòa	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 23 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đạt và Ông Bùi Quang Anh Vũ

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất quý của Nhóm Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất quý, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất Quý I - 2025 của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I - 2025 và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý I - 2025 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 4 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ I - 2025
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		20.683.355.967.880	21.482.523.941.226
110	I. Tiền	4	83.960.643.394	343.676.133.736
111	1. Tiền		83.960.643.394	343.676.133.736
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		100.000.000.000	115.370.299.200
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	100.000.000.000	115.370.299.200
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.366.677.165.518	6.860.591.641.612
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.802.364.666.439	2.806.270.912.856
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.582.227.910.522	3.060.448.061.894
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.000.626.132.932	1.012.414.211.237
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,8	(18.541.544.375)	(18.541.544.375)
140	IV. Hàng tồn kho	9	14.037.857.779.802	14.077.663.631.758
141	1. Hàng tồn kho		14.037.857.779.802	14.077.663.631.758
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		94.860.379.166	85.222.234.920
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.477.408.328	3.351.554.104
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	92.382.970.838	81.870.680.816
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.411.139.690.022	2.503.027.869.958
210	I. Phải thu dài hạn		38.724.892.655	38.724.892.655
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	38.724.892.655	38.724.892.655
220	II. Tài sản cố định		741.226.511.340	744.223.360.291
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	340.662.549.022	343.563.454.497
222	Nguyên giá		410.684.197.903	410.684.197.903
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(70.021.648.881)	(67.120.743.406)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	400.563.962.318	400.659.905.794
228	Nguyên giá		415.506.259.881	415.506.259.881
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.942.297.563)	(14.846.354.087)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	62.863.278.272	63.247.308.032
231	1. Nguyên giá		75.664.270.272	75.664.270.272
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(12.800.992.000)	(12.416.962.240)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		533.458.452.207	533.458.452.207
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	533.458.452.207	533.458.452.207
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		35.907.463.652	38.034.067.565
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	35.907.463.652	35.224.067.565
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	2.810.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		998.959.091.896	1.085.339.789.208
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	994.155.400.874	983.622.808.366
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		4.803.691.022	101.716.980.842
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.094.495.657.902	23.985.551.811.184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		11.986.343.672.686	12.927.043.152.194
310	I. Nợ ngắn hạn		8.126.017.224.376	8.562.372.240.181
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	181.749.186.536	348.223.190.575
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	26.713.060.645	133.538.017.065
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	303.292.142.412	467.801.792.124
314	4. Phải trả người lao động		9.062.554.988	9.651.285.511
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	452.863.606.591	467.024.125.581
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	5.640.555.077.660	5.721.587.155.285
320	7. Vay ngắn hạn	21	1.480.698.357.246	1.382.725.295.267
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.083.238.298	31.821.378.773
330	II. Nợ dài hạn		3.860.326.448.310	4.364.670.912.013
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	4.031.164.675	404.031.164.675
338	2. Vay dài hạn	21	3.856.295.283.635	3.960.639.747.338
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.108.151.985.216	11.058.508.658.990
410	I. Vốn chủ sở hữu		11.108.151.985.216	11.058.508.658.990
411	1. Vốn cổ phần	22	8.731.400.830.000	8.731.400.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22	70.474.800.000	70.474.800.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	22	243.810.014.529	243.810.014.529
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22	2.004.247.726.777	1.954.616.001.307
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.954.616.001.307	1.801.080.152.703
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		49.631.725.470	153.535.848.604
429	5. Lợi ích cổ đông thiểu số		58.218.613.910	58.207.013.154
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.094.495.657.902	23.985.551.811.184

Phạm Thị Đoàn Dung
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I - Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý I - Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	437.943.634.657	162.196.936.449	437.943.634.657	162.196.936.449
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(262.948.486.216)	(943.816.913)	(262.948.486.216)	(943.816.913)
20	3. Lợi nhuận gộp		174.995.148.441	161.253.119.536	174.995.148.441	161.253.119.536
21	4. Doanh thu tài chính	25	1.880.043.903	1.140.879.929	1.880.043.903	1.140.879.929
22	5. Chi phí tài chính	25	(67.026.330.904)	(65.512.916.886)	(67.026.330.904)	(65.512.916.886)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(66.840.290.197)	(65.512.916.886)	(66.840.290.197)	(65.512.916.886)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(17.322.610)	(7.688.059.076)	(17.322.610)	(7.688.059.076)
25	7. Chi phí bán hàng	26	(6.594.788.132)	(3.112.978.211)	(6.594.788.132)	(3.112.978.211)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(38.651.144.553)	(43.424.231.984)	(38.651.144.553)	(43.424.231.984)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		64.585.606.145	42.655.813.308	64.585.606.145	42.655.813.308
31	10. Thu nhập khác	27	411.440.806	33.764.103.314	411.440.806	33.764.103.314
32	11. Chi phí khác	27	(789.962.687)	(130.003.583)	(789.962.687)	(130.003.583)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác		(378.521.881)	33.634.099.731	(378.521.881)	33.634.099.731
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		64.207.084.264	76.289.913.039	64.207.084.264	76.289.913.039
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	83.324.531.782	(23.652.702.448)	83.324.531.782	(23.652.702.448)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(96.913.289.820)	-	(96.913.289.820)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		50.618.326.226	52.637.210.591	50.618.326.226	52.637.210.591
61	Phân bổ cho: 16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		50.606.725.470	52.584.306.624	50.606.725.470	52.584.306.624
62	16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.600.756	52.903.967	11.600.756	52.903.967
70	17. Lãi trên cổ phiếu		56	56	56	69

Phạm Thị Đoàn Dung
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 4 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		64.207.084.264	76.289.913.039
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11, 12, 13	3.380.878.711	3.608.860.583
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.862.721.293)	6.547.179.147
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	25	66.840.290.197	65.512.916.886
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		132.565.531.879	151.958.869.655
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		308.179.712.360	(705.836.256.184)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		73.254.316.988	(87.959.283.193)
11	Giảm các khoản phải trả		(858.310.491.474)	(245.650.894.523)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(9.658.446.732)	2.904.300.149
14	Tiền lãi vay đã trả		(82.323.707.725)	(50.908.111.789)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(632.401)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.713.140.475)	(2.775.545.485)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(438.006.225.179)	(938.267.553.771)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(9.919.961.557)	(29.622.367.256)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.180.299.200	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(700.718.697)	(771.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		175.000.000.000	45.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi		2.102.517.615	1.053.611.153
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		184.662.136.561	15.660.243.897
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		140.893.596.663	587.534.304.853
34	Tiền trả nợ gốc vay		(147.264.998.387)	(150.728.821.752)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(6.371.401.724)	436.805.483.101

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(259.715.490.342)	(485.801.826.773)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		343.676.133.736	505.106.794.464
70	Tiền cuối kỳ	4	83.960.643.394	19.304.967.691

Phạm Thị Đoàn Dung
Người lập

Ngày 23 tháng 4 năm 2025

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 9 năm 2004 và theo các GCNĐKKD/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã PDR theo Giấy phép Niêm yết số 1207/SGDHCM-NY do SGDCKHCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; và cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 39 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 269 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 286).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 2 công ty con gián tiếp đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 của Nhóm Công ty, cụ thể:

- **Công ty Cổ Phần ĐK Phú Quốc ("ĐK Phú Quốc")**
ĐK Phú Quốc là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1701522101 do Sở KH&ĐT Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 4 năm 2011 và các GCNĐKKD điều chỉnh. ĐK Phú Quốc có trụ sở chính đăng ký tại Số 229, Đường 30/4, Khu phố 1, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Hoạt động chính của ĐK Phú Quốc là kinh doanh bất động sản và xây dựng công trình. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 99% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.
- **Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Hạ Tầng Kỹ Thuật Coinin ("Coinin")**
Coinin là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313662185 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 02 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Coinin có trụ sở chính đăng ký tại 39 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Coinin là kinh doanh bất động sản và xây dựng công trình. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 99,9% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.
- **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Ngô Mây ("Ngô Mây")**
Ngô Mây là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4101553978 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 19 tháng 11 năm 2019 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Ngô Mây có trụ sở chính đăng ký tại Số 1 Ngô Mây, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của Ngô Mây là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 94% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.
- **Công ty Cổ Phần Bến Thành - Long Hải ("Bến Thành - Long Hải")**
Bến Thành - Long Hải là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500783805 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Bến Thành - Long Hải có trụ sở chính đăng ký tại Titled 44A, Thị trấn Phước Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Bến Thành - Long Hải là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 99,9% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

• **Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Cường ("Bắc Cường")**

Bắc Cường là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0401370311 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Bắc Cường có trụ sở chính đăng ký tại 223-225 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động chính của Bắc Cường là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 99% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

• **Công ty Cổ phần Đầu tư Serenity ("Serenity")**

Serenity là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502421310 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 27 tháng 3 năm 2020 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Serenity có trụ sở chính đăng ký tại Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Serenity là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 99,34% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

• **Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Bình Dương ("Cao ốc Bình Dương")**

Cao ốc Bình Dương là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702710768 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 10 năm 2018 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Cao ốc Bình Dương có trụ sở chính đăng ký tại Số 352, Đường XM2, Khu 3, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của Cao ốc Bình Dương là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 99,5% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

• **Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Hòa Phú ("Cao ốc Hòa Phú")**

Cao ốc Hòa Phú là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703021577 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 12 năm 2021 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Cao ốc Hòa Phú có trụ sở chính đăng ký tại Thửa đất số 853, tờ bản đồ số 122, khu phố Hòa Tân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của Cao ốc Hòa Phú là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty nắm giữ 99,4% vốn sở hữu và 99,9% quyền biểu quyết trong công ty con này.

• **Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long ("Cao ốc Thiên Long")**

Cao ốc Thiên Long là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703021584 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 12 năm 2021 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Cao ốc Thiên Long có trụ sở chính đăng ký tại Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 123, khu phố Hòa Tân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của Cao ốc Thiên Long là Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty nắm giữ 99,4% vốn sở hữu và 99,9% quyền biểu quyết trong công ty con này.

Ngoài ra, Nhóm Công ty có 2 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất Quý I - 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I - 2025 và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý I - 2025 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 bao gồm các báo cáo tài chính Quý I - 2025 của Công ty mẹ và các công ty con kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Các báo cáo tài chính Quý I - 2025 của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán Quý I - 2025 giữa công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I - 2025 và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý I - 2025.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí lập kế hoạch, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường, có tính đến chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền nếu đáng kể, tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp tính theo giá đích danh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 48 năm
------------------------	-------------

Nhóm Công ty không khấu hao quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí bồi thường và quản lý dự án The EverRich 2;
- Chi phí hoa hồng môi giới;
- Chi phí quảng cáo;
- Chi phí cải tạo văn phòng; và
- Công cụ, dụng cụ.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi HĐQT của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ

Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với hợp đồng mua bán căn hộ đã được chuyển giao sang người nhận chuyển nhượng, thường là trùng với việc xác nhận chuyển nhượng từ chủ đầu tư căn hộ. Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần theo số chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá mua căn hộ từ chủ đầu tư.

Doanh thu chuyển nhượng đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng đã được chuyển giao sang người mua, thường là trùng với việc bàn giao đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền được thu hồi từ hoặc dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận (tiếp theo)

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là xây dựng và mua bán nhà ở; xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp và cầu đường; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty xây dựng nên hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nói trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	49.267.793	31.414.076
Tiền gửi ngân hàng	83.911.375.601	343.644.719.660
TỔNG CỘNG	83.960.643.394	343.676.133.736

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số dư thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng bao gồm khoản có kỳ hạn gốc là mười hai tháng, hưởng lãi suất 4,6% mỗi năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhóm khách hàng mua dự án Khu dân cư kết hợp chính trang đô thị Bắc Hà Thanh - Bình Định	412.875.567.958	471.116.148.311
Ông Phạm Thanh Điền	186.440.000.000	186.440.000.000
Công ty TNHH Bất động sản IDK	144.850.000.000	272.300.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ADK	132.040.000.000	201.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản NTR	122.520.000.000	271.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Danh Khôi Holdings	111.348.146.750	111.348.146.750
Công ty Cổ phần Bất động sản BDK	107.760.000.000	176.800.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Vega	105.720.000.000	105.720.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản CDK	97.400.000.000	216.200.000.000
Công ty TNHH Bất động sản EDK	96.080.000.000	165.000.000.000
Công ty TNHH Bất động sản HDK	70.700.000.000	154.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Minh	70.615.693.202	70.615.693.202
Công ty TNHH Bất động sản GDK	43.050.000.000	128.000.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Lyra	42.500.000.000	42.500.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Gemini	25.950.000.000	25.950.000.000
Ông Nguyễn Trà Giang	-	175.000.000.000
Khách hàng khác	32.515.258.529	32.480.924.593
TỔNG CỘNG	1.802.364.666.439	2.806.270.912.856
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.041.544.375)	(1.041.544.375)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.801.323.122.064	2.805.229.368.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng 620	1.467.684.156.669	1.450.055.500.031
Bà Trần Thị Hương	359.900.000.000	104.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Diễm	300.000.000.000	300.000.000.000
Ông Võ Ngọc Châu	159.729.830.000	159.729.830.000
Ông Nguyễn Cao Tiến	51.000.000.000	51.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	240.100.000.000	160.000.000.000
Công ty CP Kinh Doanh Và Dịch Vụ Bất Động Sản Realty Holdings	230.570.649.112	-
Tổng Công ty Cổ phần Đèn bù Giải tỏa	178.934.648.207	178.934.648.207
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Lộc Phát	154.401.862.062	155.760.070.062
Công Ty TNHH ĐT BĐS Green City	100.000.000.000	100.000.000.000
Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng 620 và Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu Tư Lộc Phát	76.789.165.900	124.771.856.489
Công ty Cổ phần Xây dựng TC Bình Định	76.919.309.698	82.845.585.294
Công ty Cổ phần Đức Khải	70.228.366.367	70.228.366.367
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hợp Nhứt	61.524.825.372	69.701.323.129
Công ty TNHH TM DV VT XD Giao thông T&T	39.454.661.636	39.454.661.636
Công ty Cổ phần Xây Dựng Central	4.000.000.000	4.000.000.000
Khác	10.990.435.499	9.466.220.679
TỔNG CỘNG	3.582.227.910.522	3.060.448.061.894

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	1.000.626.132.932	1.012.414.211.237
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn - KL	909.223.368.818	922.373.368.818
Công ty Cổ phần BĐS Commonwealth Properties	46.812.794.959	46.812.794.959
Ông Hoàng Hiệp Dũng	25.000.000.000	25.000.000.000
Ký quỹ, ký cược	2.534.822.900	2.534.822.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Danh Khôi Holdings	400.000.000	400.000.000
Khác	16.655.146.255	15.293.224.560
Dài hạn	38.724.892.655	38.724.892.655
Ban Quản lý khu kinh tế Phú Quốc	38.548.000.000	38.548.000.000
Ký quỹ, ký cược	176.892.655	176.892.655
Phải thu khác	-	-
TỔNG CỘNG	1.039.351.025.587	1.051.139.103.892
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.500.000.000)	(17.500.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.021.851.025.587	1.033.639.103.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bất động sản (*)	14.037.474.420.826	14.077.280.272.782
Hàng hóa	383.358.976	383.358.976
TỔNG CỘNG	14.037.857.779.802	14.077.663.631.758

(*) Bất động sản chủ yếu là giá trị quỹ đất đã được bồi thường, tiền sử dụng đất đã nộp cho nhà nước, chi phí san lấp mặt bằng, chi phí xây dựng và các chi phí đầu tư cho các dự án bất động sản đang triển khai sau đây:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án The EverRich 2 (River City) (i)	3.597.838.254.668	3.597.838.254.668
Dự án Thuận An 1 và Thuận An 2 (ii)	2.785.642.985.912	2.663.629.246.786
Dự án Tropicana Bến Thành Long Hải (iii)	1.993.999.668.359	1.993.999.668.359
Dự án Phước Hải (iv)	1.523.024.942.534	1.524.638.841.460
Dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh - Bình Định (v)	1.512.629.641.900	1.694.508.092.077
Dự án The EverRich 3 (vi)	877.890.631.912	877.427.668.950
Dự án Trần Phú Đà Nẵng (vii)	639.968.634.720	639.968.634.720
Dự án Khu dân cư làng nghề và Trung tâm Xã Hàm Ninh (viii)	400.580.908.890	400.580.908.890
Dự án số 1 Ngô Mây (ix)	308.886.495.510	292.218.492.567
Dự án KĐT DL Sinh thái Nhơn Hội (x)	212.097.140.251	211.827.588.574
Dự án Kỳ Đồng (xi)	89.005.839.039	89.005.839.039
Dự án KDL Sinh thái Đoàn Anh Dương (xii)	44.155.699.067	44.155.699.067
Dự án Phát Đạt Bàu Cả (xiii)	7.263.084.761	7.078.510.572
Dự án khác	44.490.493.303	40.402.827.053
TỔNG CỘNG	14.037.474.420.826	14.077.280.272.782

Chi tiết các dự án bất động sản đang triển khai như sau:

(i) *Dự án The EverRich 2*

Dự án này tọa lạc tại số 422 đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ báo cáo của dự án này chủ yếu là tiền bồi thường đất và chi phí xây dựng.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các yêu cầu theo quy định của Nhà nước để đủ điều kiện chuyển nhượng phần còn lại của dự án này theo HĐHTĐT đã ký kết với Công ty TNHH Đầu tư Big Gain.

(ii) *Dự án Thuận An 1 và Thuận An 2*

Dự án này tọa lạc tại Khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, chi phí thiết kế, tư vấn, khảo sát và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí lãi vay vốn hóa tài trợ cho việc đầu tư, phát triển dự án.

(iii) *Dự án Khu Du Lịch Bến Thành - Long Hải*

Dự án này tọa lạc tại Tỉnh lộ 44A, Thị trấn Phước Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí chuyển nhượng dự án, tiền bồi thường đất, tiền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng và chi phí xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(iv) Dự án Phước Hải

Dự án này tọa lạc tại Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí chuyển nhượng dự án và chi phí xây dựng khác.

(v) Dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh - Bình Định

Dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh - Bình Định tọa lạc tại Xã Phước Thuận, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng, chi phí thiết kế, tư vấn, khảo sát, xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí lãi vay vốn hóa tài trợ cho việc đầu tư, phát triển dự án.

(vi) Dự án The EverRich 3

Dự án này tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Số dư cuối kỳ của dự án này chủ yếu bao gồm tiền bồi thường đất, tiền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các lô đất nền của Khu nhà ở thấp tầng đã được hoàn thành và đã được bán ra thị trường.

Ngày 27 tháng 2 năm 2019, Công ty đã ký kết hợp đồng số E3-B1-B4/HĐCND-ĐIC và phụ lục ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc chuyển nhượng một phần Dự án Khu nhà ở Phường Tân Phú, Quận 7 bao gồm quyền sử dụng đất của 2 lô đất B1 và B4.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các yêu cầu theo quy định của Nhà nước để đủ điều kiện chuyển nhượng phần còn lại của dự án này theo HĐHTĐT đã ký kết với Công ty TNHH Dynamic Innovation.

(vii) Dự án Trần Phú Đà Nẵng

Dự án này tọa lạc tại số 223-225 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí chuyển nhượng dự án, chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng khác.

(viii) Dự án Khu Dân cư làng nghề và Trung tâm Xã Hàm Ninh

Dự án này tọa lạc tại xã Hàm Ninh, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí thiết kế, tư vấn, khảo sát và chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng.

(ix) Dự án Số 1 Ngõ Mây

Dự án này tọa lạc tại Số 01 Ngõ Mây, Phường Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm tiền đấu giá đất đã nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí thiết kế, tư vấn, khảo sát và chi phí xây dựng.

(x) Dự án Khu Đô Thị Du lịch Sinh thái Nhơn Hội

Dự án này gồm Phân Khu 2, Phân Khu 4, Phân Khu 9 thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Tỉnh Bình Định.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm tiền sử dụng đất đã nộp vào ngân sách nhà nước, chi phí thiết kế, tư vấn, khảo sát, xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí lãi vay vốn hóa tài trợ cho việc đầu tư, phát triển dự án.

(xi) Dự án Kỳ Đồng

Dự án tọa lạc tại 14/2A Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(xii) Dự án Khu du lịch sinh thái Đoàn Anh Dương

Dự án Khu du lịch sinh thái Đoàn Anh Dương tọa lạc tại xã Cửa Cạn, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, dự án chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn, khảo sát, quản lý dự án.

(xiii) Dự án Phát Đạt Bàu Cả

Dự án này là dự án Khu dân cư Phát Đạt Bàu Cả tọa lạc tại Phường Lê Hồng Phong và Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi. Dự án này đang trong giai đoạn bàn giao nền đất và sang tên chủ quyền cho khách hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí bồi thường dự án The EverRich 2 (*)	923.823.243.655	923.823.243.655
Phí quản lý căn hộ	3.383.934.585	3.383.934.585
Khác	66.948.222.634	56.415.630.126
TỔNG CỘNG	994.155.400.874	983.622.808.366

(*) Đây là chi phí bồi thường cho CRE & AGI và Phú Hưng theo Biên bản Thanh lý ngày 8 tháng 2 năm 2018 để hoàn thiện một phần điều kiện pháp lý trước khi chuyển nhượng dự án theo HĐHTĐT đã ký kết với Công ty TNHH Đầu Tư Big Gain.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
và ngày 31 tháng 3 năm 2025	366.026.575.528	6.360.905.364	38.296.717.011	410.684.197.903
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.826.480.430	5.132.290.364	22.412.755.741	33.371.526.535
Giá trị khấu hao lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(29.161.043.732)	(6.084.319.744)	(31.875.379.930)	(67.120.743.406)
Khấu hao trong kỳ	(1.988.169.075)	(69.515.236)	(843.221.164)	(2.900.905.475)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	(31.149.212.807)	(6.153.834.980)	(32.718.601.094)	(70.021.648.881)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	336.865.531.796	276.585.620	6.421.337.081	343.563.454.497
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	334.877.362.721	207.070.384	5.578.115.917	340.662.549.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024			
và ngày 31 tháng 3 năm 2025	400.500.000.000	15.006.259.881	415.506.259.881
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	13.668.948.681	13.668.948.681
Giá trị khấu hao lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(14.846.354.087)	(14.846.354.087)
Khấu hao trong kỳ	-	(95,943,476)	(95,943,476)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	-	(14,942,297,563)	(14,942,297,563)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	400.500.000.000	159.905.794	400.659.905.794
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	400.500.000.000	63,962,318	400,563,962,318

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

			VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024			
và ngày 31 tháng 3 năm 2025	7.306.972.991	68.357.297.281	75.664.270.272
Giá trị khấu hao lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(12.416.962.240)	(12.416.962.240)
Khấu hao trong kỳ	-	(384.029.760)	(384.029.760)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	-	(12.800.992.000)	(12.800.992.000)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.306.972.991	55.940.335.041	63.247.308.032
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	7.306.972.991	55.556.305.281	62.863.278.272

Quyền sử dụng đất có giá trị 7.306.972.991 VND tương ứng với quyền sở hữu tầng hầm B1 & B2 tại dự án The EverRich, số 968 Đường 3/2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 3 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình khai thác thực tế, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

		VND
	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.890.353.888	2.862.735.833
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê	960.157.133	943.816.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Nội bộ khu Cổ đại tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	426.173.692.570	426.173.692.570
Trung tâm Thể dục Thể thao Phan Đình Phùng	77.105.153.950	77.105.153.950
Dự án Bệnh viện chấn thương chỉnh hình	7.976.940.104	7.976.940.104
Phần mềm quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP-SAP)	21.392.200.583	21.392.200.583
Khác	810.465.000	810.465.000
TỔNG CỘNG	533.458.452.207	533.458.452.207

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	VND			
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	%	Số tiền	%	Số tiền
		VND		VND
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Commonwealth Properties (i)	27	15.542.464.003	27	15.542.464.003
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình PDP (i)	49	20.364.999.649	49	19.681.603.562
TỔNG CỘNG		35.907.463.652		35.224.067.565

(i) Công ty Cổ phần Bất Động Sản Commonwealth Properties ("BDS Commonwealth")

BDS Commonwealth là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316916261 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2021 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. BDS Commonwealth có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 10 Tháp B, Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của BDS Commonwealth là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 27% vốn sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty này.

(ii) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Công trình PDP ("Công trình PDP")

Công trình PDP là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0315143682 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 7 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Công trình PDP có trụ sở chính đăng ký tại 39 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Công trình PDP là kinh doanh bất động sản. Dự án chính hiện tại của Công trình PDP là dự án Xây dựng Công trình Phan Đình Phùng tại số 8 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 20.663.825.697 VND trên phần vốn điều lệ của Công ty theo GCNĐKKD là 147.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn	33.132.513.198	33.132.513.198
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Thiên An	22.988.985.613	22.988.985.613
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat	19.512.823.609	22.512.823.609
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Mỹ Hưng	17.626.474.002	17.626.474.002
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xây dựng Giao thông T&T	16.472.242.230	16.472.242.230
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	9.302.067.669	9.302.067.669
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Đầu tư IDV	5.300.743.743	11.353.812.907
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn - KL	-	150.336.880.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Central	-	6.927.687.331
Khác	57.413.336.472	57.569.704.016
TỔNG CỘNG	181.749.186.536	348.223.190.575

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh - Bình Định	22.417.606.099	129.947.107.974
Khác	4.295.454.546	3.590.909.091
TỔNG CỘNG	26.713.060.645	133.538.017.065

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải nộp	303.292.142.412	467.801.792.124
Thuế sử dụng đất	145.691.749.070	168.691.749.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.961.578.508	200.286.110.290
Thuế giá trị gia tăng	31.651.572.378	90.447.861.275
Thuế thu nhập cá nhân	5.823.072.547	6.127.450.917
Thuế khác	3.164.169.909	2.248.620.572
Phải thu	92.382.970.838	81.870.680.816
Thuế giá trị gia tăng	92.382.970.838	81.870.680.816
GIÁ TRỊ THUẦN	210.909.171.574	385.931.111.308

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí xây dựng	287.481.581.257	320.032.363.180
Chi phí lãi vay	117.672.398.111	98.018.840.207
Hỗ trợ lãi suất cho khách hàng mua bất động sản	23.452.926.443	23.481.919.717
Dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp	17.704.005.170	17.273.289.600
Chi phí khác	6.552.695.610	8.217.712.877
TỔNG CỘNG	452.863.606.591	467.024.125.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	5.640.555.077.660	5.721.587.155.285
HĐHTĐT - The EverRich 2 (i)	4.557.365.656.616	4.557.365.656.616
HĐHTĐT - The EverRich 3 (ii)	990.068.000.000	990.068.000.000
Ký quỹ nhận được từ khách hàng	14.200.000.000	14.200.000.000
HĐHTĐT - Dự án Khu đô thị Du lịch Sinh thái Nhơn Hội (iii)	13.518.255.040	13.518.255.040
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khách sạn AKYN	6.746.304.365	10.301.642.325
Ông Hoàng Võ Anh Khoa	1.003.283.685	38.237.745.040
Công ty CP Kinh Doanh Và Dịch Vụ Bất Động Sân Realty Holdings	16.030.200	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển KCN Phát Đạt	-	36.294.095.940
Khác	57.637.547.754	61.601.760.324
Dài hạn	4.031.164.675	404.031.164.675
Công ty CP Kinh Doanh Và Dịch Vụ Bất Động Sân Realty Holdings	4.026.064.675	404.026.064.675
Khác	5.100.000	5.100.000
TỔNG CỘNG	5.644.586.242.335	6.125.618.319.960

- (i) Vào ngày 10 tháng 12 năm 2018, Công ty đã ký kết HĐHTĐT với Công ty TNHH Đầu Tư Big Gain liên quan đến việc phát triển Dự án The EverRich 2 tọa lạc tại số 422 đường Đào Trí, Khu phố 1, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Vào ngày 10 tháng 12 năm 2018, Công ty đã ký kết HĐHTĐT với Công ty TNHH Dynamic Innovation liên quan đến việc phát triển Dự án The EverRich 3 tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (iii) Công ty đã ký Thỏa thuận góp vốn với các cá nhân về việc góp vốn đầu tư để thực hiện dự án đầu tư phát triển đô thị tại các Phân khu số 2 thuộc Khu đô thị Du lịch Sinh thái Nhơn Hội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng	Giảm	Phân loại lại	VND Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngắn hạn	1.382.725.295.267	9.472.568.597	(112.877.186.618)	201.377.680.000	1.480.698.357.246
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 21.1)	386.195.295.267	9.472.568.597	(52.877.186.618)	129.377.680.000	472.168.357.246
Vay bên khác					
(Thuyết minh số 21.2)	996.530.000.000	-	(60.000.000.000)	72.000.000.000	1.008.530.000.000
Dài hạn	3.960.639.747.338	131.421.028.066	(34.387.811.769)	(201.377.680.000)	3.856.295.283.635
Vay ngân hàng					
(Thuyết minh số 21.1)	3.528.250.193.244	131.421.028.066	-	(129.377.680.000)	3.530.293.541.310
Vay bên khác					
(Thuyết minh số 21.2)	432.389.554.094	-	(34.387.811.769)	(72.000.000.000)	326.001.742.325
TỔNG CỘNG	5,343,365,042,605	140,893,596,663	(147,264,998,387)	-	5.336.993.640.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
VND					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	356.089.616.251	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2030	Tài trợ dự án tòa nhà văn phòng tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau + chi phí huy động vốn tăng thêm + 4	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 39 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh
Khoản vay 2	70.100.837.246	Từ ngày 3 tháng 4 năm 2025 đến ngày 23 tháng 1 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau + chi phí huy động vốn tăng thêm + 4	Quyền tài sản phát sinh từ dự án bao gồm nhưng không giới hạn từ vận hành, khai thác cho thuê, hợp tác kinh doanh. 5.318.181 cổ phiếu PDR sở hữu bởi cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng					
Khoản vay 1	142.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 17 tháng 4 năm 2030	Tài trợ dự án tại Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lãi suất tiết kiệm linh hoạt kỳ hạn 24 tháng + 3,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn					
Khoản vay 1	1.499.999.536.029	Từ ngày 16 tháng 6 năm 2026 đến ngày 7 tháng 3 năm 2031	Tài trợ dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh - Bình Định	Lãi suất tiết kiệm linh hoạt kỳ hạn 84 tháng + lãi suất từ 1,7 đến 2,51, không thấp hơn lãi suất tối thiểu là 9,5%/năm	Toàn bộ cổ phần của Công ty tại Bắc Cường.
Quyền tài sản phát sinh từ dự án Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Bắc Hà Thanh - Bình Định					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
VND				%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn (tiếp theo)					
Khoản vay 2	1.171.271.909.030	Ngày 1 tháng 10 năm 2025 đến ngày 16 tháng 11 năm 2029	Tài trợ dự án tại Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Bình Dương	Lãi suất tiết kiệm linh hoạt kỳ hạn từ 60 tháng đến 72 tháng + lãi suất từ 1,5 đến 2.51	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và sản phẩm sinh từ dự án tại Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Khoản vay 3	663.000.000.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2025 đến ngày 16 tháng 11 năm 2032	Tài trợ dự án tại Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Bình Dương	Lãi suất tiết kiệm linh hoạt kỳ hạn từ 60 tháng đến 108 tháng + lãi suất từ 1,5 đến 2.51	Toàn bộ phần vốn góp tại Cao ốc Thiên Long, Cao ốc Hòa Phú và Cao Ốc Bình Dương thuộc sở hữu của các Cổ đông Toàn bộ cổ phần của Bến Thành - Long Hải thuộc sở hữu của các Cổ đông Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Dự án Khu du lịch Bến Thành - Long Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khoản vay 4	100.000.000.000	Ngày 28 tháng 10 năm 2025	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất tiết kiệm linh hoạt kỳ hạn từ 12 tháng + 1,01, không thấp hơn lãi suất tối thiểu là 7,51%/năm	Hợp đồng tiền gửi
TỔNG CỘNG	4.002.461.898.556				
Trong đó:					
Ngắn hạn	472.168.357.246				
Dài hạn	3.530.293.541.310				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay bên khác

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD				
Công ty Cổ phần Đầu Tư Tài Chính Việt Long						
Khoản vay 1	80.000.000.000		Ngày 3 tháng 6 năm 2025	Bổ sung vốn lưu động	11	8.650.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Quản Lý Khách Sạn AKYN						
Khoản vay 1	326.001.742.325		Ngày 3 tháng 4 năm 2028	Bổ sung vốn lưu động	8	Quyền sở hữu đối với toàn bộ cổ phần BĐS Commonwealth
Ông Đoàn Đức Luyện						
Khoản vay 1	40.000.000.000		Ngày 12 tháng 12 năm 2025	Bổ sung vốn lưu động	12	4.080.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi cổ đông
Khoản vay 2	72.000.000.000		Ngày 8 tháng 1 năm 2026	Bổ sung vốn lưu động	12	7.526.420 cổ phiếu PDR sở hữu bởi cổ đông
Ông Vũ Dương Hiền						
Khoản vay 1	50.000.000.000		Ngày 21 tháng 10 năm 2025	Bổ sung vốn lưu động	12	5.000.000 cổ phiếu PDR sở hữu bởi cổ đông
ACA Vietnam Real Estate III LP						
Khoản vay 1 (*)	766.530.000.000	30.000.000	Ngày 23 tháng 3 năm 2025	Tài trợ các dự án của công ty con	10	Tín chấp
TỔNG CỘNG	1.334.531.742.325	30.000.000				
Trong đó:						
Ngắn hạn	1.008.530.000.000					
Dài hạn	326.001.742.325					

(*) Theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Vay Chuyển Đổi ngày 30 tháng 9 năm 2024, đây là khoản vay có kèm quyền cho phép ACA chuyển đổi thành 34.095.000 cổ phần phổ thông của Công ty với giá hoán đổi là 20.000 VND/ cổ phần để hoán đổi toàn bộ số dư nợ vay trước ngày 15 tháng 11 năm 2024, có thể gia hạn đến ngày 23 tháng 3 năm 2025 hoặc gia hạn chậm nhất đến ngày 23 tháng 4 năm 2025. Nếu việc chuyển đổi không hoàn thành trước ngày 23 tháng 4 năm 2025, khoản vay được gia hạn thanh toán đến ngày 23 tháng 9 năm 2025. Vào ngày 30 tháng 09 năm 2024, theo Quyết định số 23/2024/HĐQT-QĐ của HĐQT phê duyệt thời gian chuyển đổi dự kiến là ngày 15 tháng 11 năm 2024 với giá hoán đổi là 20.000 VND có thể gia hạn đến ngày 23 tháng 3 năm 2025 hoặc gia hạn chậm nhất đến ngày 23 tháng 4 năm 2025.

Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản vay vẫn chưa được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Lãi suất áp dụng cho khoản vay là 10% cho đến khi hoàn tất chuyển đổi khoản vay. Vào ngày 16 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận được công văn số 1076/UBCK-QLCB ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.388.108.400.000	71.120.900.000	230.128.842.335	1.831.862.790.140	9.521.220.932.475
Phát hành cổ phiếu	1.343.292.430.000	(646.100.000)	-	-	1.342.646.330.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	155.087.685.811	155.087.685.811
Phân phối lợi nhuận	-	-	13.681.172.194	(27.362.344.388)	(13.681.172.194)
Thù lao HĐQT	-	-	-	(4.972.130.256)	(4.972.130.256)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	8.731.400.830.000	70.474.800.000	243.810.014.529	1.954.616.001.307	11.000.301.645.836
Ngày 31 tháng 3 năm 2025					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	8.731.400.830.000	70.474.800.000	243.810.014.529	1.954.616.001.307	11.000.301.645.836
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	50.606.725.470	50.606.725.470
Thù lao HĐQT	-	-	-	(975.000.000)	(975.000.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	8.731.400.830.000	70.474.800.000	243.810.014.529	2.004.247.726.777	11.049.933.371.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu phổ thông

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	873.140.083	873.140.083
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	873.140.083	873.140.083
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	435.053.280.769	-
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.890.353.888	2.862.735.833
Doanh thu chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ	-	159.334.200.616
TỔNG CỘNG	437.943.634.657	162.196.936.449

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	261.988.329.083	-
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	960.157.133	943.816.913
TỔNG CỘNG	262.948.486.216	943.816.913

25. DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Doanh thu tài chính	1.880.043.903	1.140.879.929
Lãi tiền gửi	1.880.043.903	1.140.879.929
Chi phí tài chính	67.026.330.904	65.512.916.886
Chi phí lãi vay	66.840.290.197	65.512.916.886
Chi phí tài chính khác	186.040.707	-

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Chi phí bán hàng	6.594.788.132	3.112.978.211
Hỗ trợ lãi suất	2.878.227.690	-
Chi phí quảng cáo	2.373.137.618	1.035.553.355
Chi phí lương	1.196.190.924	1.930.192.956
Chi phí khác	147.231.900	147.231.900
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.651.144.553	43.424.231.984
Chi phí lương	26.213.847.546	24.645.112.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.767.057.046	10.902.515.829
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.748.747.328	2.879.948.243
Chi phí khác	3.921.492.633	4.996.655.654
TỔNG CỘNG	45.245.932.685	46.537.210.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Thu nhập khác	411.440.806	33.764.103.314
Tiền phạt chậm trả	-	33.732.103.313
Thu nhập khác	411.440.806	32.000.001
Chi phí khác	789.962.687	130.003.583
Chi phí khác	789.962.687	130.003.583

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý I - 2025 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I - 2025 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý I - 2025

	VND	
	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.207.084.264	76.289.913.039
Chi phí thuế TNDN 20%	12.841.416.853	15.257.982.608
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	1.573.106.688	8.357.479.206
Lỗi của công ty con chưa được ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	54.341.365	37.873.035
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại năm trước	(97.787.726.410)	-
Khác	(5.670.278)	(632.401)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(83.324.531.782)	23.652.702.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty và cá nhân có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty và cá nhân mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty.

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Quý I năm 2025</i>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng công trình PĐP	Công ty liên kết	Góp vốn	700.718.697
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Commonwealth Properties	Công ty liên kết	Lãi cho vay	577.144.047
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý BDSC	Bên liên quan của Thành viên HĐQT	Sử dụng dịch vụ	176.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn AKYN	Công ty có liên quan của Người nội bộ	Trả gốc vay	27.063.357.675
		Trả lãi vay	10.301.642.325
		Lãi đi vay	6.746.304.365
Công ty Cổ phần Khu Du Lịch Nghỉ Dưỡng A	Công ty có liên quan của Người nội bộ	Sử dụng dịch vụ	2.129.630
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Chuyển nhượng bất động sản	2.117.085.936
		Thu tiền chuyển nhượng bất động sản	25.206.495.640
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên HĐQT	Chuyển nhượng bất động sản	30.710.600.501
Ông Trương Ngọc Dũng	Thành viên Ban TGD	Thu tiền chuyển nhượng bất động sản	1.546.443.788
Ông Nguyễn Khắc Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Thu tiền chuyển nhượng bất động sản	4.519.052.441
Ông Nguyễn Hữu	Phó Tổng Giám đốc	Thu tiền chuyển nhượng bất động sản	3.972.276.832
Bà Trần Thị Thùy Trang	Kế toán Trưởng	Thu tiền chuyển nhượng bất động sản	3.162.887.576

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ (tiếp theo):

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND Quý I năm 2025
Ông Nguyễn Văn Dũng	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	3.457.532.489
Ông Nguyễn Văn Phát	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	20.745.194.934
		Thu tiền chuyển nhượng bất động sản	10.466.610.000
Ông Phan Gia Bình	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	3.457.532.489
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	5.307.366.435
Ông Dương Lê Vũ Thành	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	6.332.103.195
		Thu tiền chuyển nhượng bất động sản	2.162.888.000
Ông Hoàng Võ Anh Khoa	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	2.110.701.065
		Vay tiền	224.805.081.072
		Trả tiền vay	262.039.542.427
Ông Dương Văn Toàn	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	3.457.532.489
Bà Trần Thị Hương	Người có liên quan	Trả tiền nhận chuyển nhượng bất động sản	255.400.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	1.899.306.921
Ông Nguyễn Hữu Lễ	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	22.963.390.666
Ông Phạm Công Thành	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	24.144.937.867
Ông Nguyễn Huy Lễ	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	2.110.701.065

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc quý, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên HĐQT	Chuyển nhượng bất động sản	25.294.560.867
Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên HĐQT	Chuyển nhượng bất động sản	1.777.616.236
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng bất động sản	5.099.307.733
Ông Nguyễn Đình Trí	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng bất động sản	1.777.616.236
Ông Trương Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng bất động sản	1.894.196.347
Ông Nguyễn Khắc Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng bất động sản	322.788.761
Ông Nguyễn Hữu	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển nhượng bất động sản	961.609.768
Bà Trần Thị Thùy Trang	Kế toán Trưởng	Chuyển nhượng bất động sản	355.523.248
Ông Nguyễn Văn Dũng	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	2.409.489.332
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	1.777.616.236
Ông Nguyễn Văn Phát	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	6.761.857.996
Ông Phan Gia Bình	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	3.467.987.807
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	5.475.325.484
Ông Dương Lê Vũ Thành	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	4.133.139.060
Ông Hoàng Võ Anh Khoa	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	3.259.433.582
Ông Dương Văn Toàn	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	3.467.987.807
Bà Trần Thị Hường	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	1.322.466.547
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	2.190.971.432
Ông Nguyễn Hữu Lễ	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	19.558.993.224
Ông Phạm Công Thành	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	20.846.221.801
Ông Nguyễn Huy Lễ	Người có liên quan	Chuyển nhượng bất động sản	2.277.616.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
Số dư phải thu và phải trả với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

				VND
				Ngày 31 tháng 3 năm 2025
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Commonwealth Properties	Công ty liên kết	Cho vay		46.812.794.959
		Lãi cho vay		2.343.006.050
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Bền Vững	Công ty có liên quan của Người nội bộ	Sử dụng dịch vụ		475.000.000
Bà Trần Thị Hường	Người có liên quan	Nhận chuyển nhượng bất động sản		359.900.000.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý BDSC	Công ty có liên quan của Người nội bộ	Sử dụng dịch vụ		95.040.000
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Tổng Giám đốc	Trả trước tiền mua bất động sản		467.133.501
Ông Nguyễn Khắc Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền mua bất động sản		467.133.501
Ông Nguyễn Huy Lễ	Người có liên quan	Trả trước tiền mua bất động sản		467.133.501
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn AKYN	Công ty có liên quan của Người nội bộ	Lãi đi vay		6.746.304.365
Ông Trương Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Đặt cọc mua sản phẩm		400.000.000
Ông Nguyễn Khắc Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Đặt cọc mua sản phẩm		400.000.000
Bà Trần Thị Thùy Trang	Kế toán trưởng	Trả trước tiền mua bất động sản		3.500.000.000
Bà Trần Thị Hường	Người có liên quan	Trả trước tiền mua bất động sản		1.000.000.000
Ông Dương Văn Toàn	Người có liên quan	Đặt cọc mua sản phẩm		400.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Thư	Người có liên quan	Đặt cọc mua sản phẩm		2.000.000.000
Bà Ngô Thị Minh Hương	Người có liên quan	Đặt cọc mua sản phẩm		800.000.000
		Hợp tác đầu tư		4.441.500.000
Ông Hoàng Võ Anh Khoa	Người có liên quan	Vay tiền		1.003.283.685
		Đặt cọc mua sản phẩm		400.000.000
		Phí tư vấn mua sản phẩm		1.277.429.400
<i>Vay và nợ dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn AKYN	Bên liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT	Vay tiền		326.001.742.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I - 2025 (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác như sau:

VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Quý I - 2025	Quý I - 2024
Ông Nguyễn Văn Đạt	Chủ tịch	484.943.750	482.943.750
Ông Nguyễn Tấn Danh	Phó Chủ tịch	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên HĐQT	122.000.000	120.000.000
Ông Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên độc lập HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Dương Hào Tôn	Thành viên độc lập HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Bùi Quang Anh Vũ	Tổng Giám đốc	1.407.074.999	1.414.159.416
Ông Nguyễn Đình Trí	Phó Tổng Giám đốc	581.150.000	582.886.500
Ông Trương Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	581.150.000	582.886.500
Ông Nguyễn Khắc Sinh	Phó Tổng Giám đốc	480.775.001	481.751.084
Ông Nguyễn Hữu	Phó Tổng Giám đốc	340.250.000	-
Bà Đặng Việt Tú Uyên	Phó Tổng Giám đốc	379.150.000	-
Ông Phan Lê Hòa	Phó Tổng Giám đốc	87.750.000	830.599.000
Bà Lê Trần Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	-	180.000.000
Bà Trần Thị Thủy Trang	Kế toán trưởng	284.333.334	-
Bà Ngô Thúy Vân	Kế toán trưởng	-	317.103.000
Bà Nguyễn Tôn Quỳnh Vy	Người phụ trách quản trị	132.800.000	130.150.000
TỔNG CỘNG		5.271.377.084	5.512.479.250

30. CÁC CAM KẾT ĐẦU TƯ

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, chi tiết các khoản cam kết đầu tư của Công ty như sau:

VND

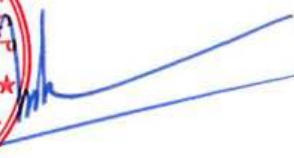
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cam kết xây dựng các dự án	5.182.479.038.821	5.331.751.899.151
Cam kết góp vốn	126.336.174.303	127.036.893.000
Công ty TNHH Đầu tư XD Công trình PDP	126.336.174.303	127.036.893.000
TỔNG CỘNG	5.308.815.213.124	5.458.788.792.151

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Nhóm Công ty.


Phạm Thị Đoàn Dung
Người lập


Trần Thị Thủy Trang
Kế toán trưởng


Bùi Quang Anh Vũ
Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 4 năm 2025

THE
EVER RICH

39 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phone: 84 028 3898 6868 – Fax: 84 028 3898 8686

Email: info@phatdat.com.vn